Quỹ ETF IPA PARTNER VN100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No: 20261030 /TB-FUEIP100

Hà Nội 30/10/2026
/As at 30-Oct-26

THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company:*
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner
/ IPA Partner Investment Fund Management Limited Company
2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank
3. Mã chứng khoán/ *Securities code*: **FUEIP100**
4. Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF IPA PARTNER VN100
5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: **02/11/2026**
7. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER
Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102703178, CN=CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER, L=Phường Hai Bà Trưng, S=HÀ NỘI, C=VN
Reason:I am the author of this document
Date:30/10/2026 5:32 PM
PDFgear Version:2.1.16

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/
Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	*Quantity*	*Weight*
I.	**Chứng khoán/Stock**	**1,262,015,000**	**96.83%**
1	ACB	2,500	4.03%
2	BID	200	0.51%
3	BSR	200	0.42%
4	CII	300	0.30%
5	CTG	600	1.39%
6	DBC	100	0.12%
7	DCM	100	0.26%
8	DGW	100	0.31%
9	DIG	400	0.29%
10	DPM	100	0.16%
11	DXG	500	0.39%
12	EIB	700	0.86%
13	EVF	400	0.36%
14	FPT	800	3.23%
15	FRT	100	1.14%
16	GAS	100	0.60%
17	GEE	100	0.51%
18	GEX	300	0.51%
19	GMD	300	1.21%
20	GVR	100	0.24%
21	HAG	300	0.33%

22	HCM	400	0.71%
23	HDB	2,600	4.47%
24	HDG	100	0.12%
25	HHV	200	0.14%
26	HPG	2,100	3.38%
27	HSG	200	0.17%
28	KBC	300	0.60%
29	KDH	400	0.43%
30	LPB	1,400	3.88%
31	MBB	2,300	3.41%
32	MSB	1,300	1.58%
33	MSN	500	2.69%
34	MWG	600	3.41%
35	NAB	800	0.78%
36	NKG	200	0.18%
37	NLG	200	0.34%
38	NVL	900	0.72%
39	OCB	500	0.41%
40	PC1	100	0.14%
41	PDR	300	0.26%
42	PLX	100	0.26%
43	PNJ	200	0.24%
44	POW	300	0.28%
45	PVD	200	0.28%
46	PVT	100	0.16%
47	REE	100	0.35%
48	SAB	100	0.33%
49	SHB	1,900	1.55%
50	SSB	800	0.92%
51	SSI	1,100	1.63%
52	STB	900	4.58%
53	TCB	3,000	4.97%
54	TCH	300	0.27%
55	TPB	900	0.87%
56	VCB	500	2.16%
57	VCG	200	0.23%
58	VCI	400	0.57%
59	VHM	1,400	6.77%
60	VIB	1,200	1.27%
61	VIC	700	12.94%
62	VIX	1,400	1.29%
63	VJC	100	1.01%
64	VND	600	0.62%

65	VNM	400	1.75%
66	VPB	2,800	4.93%
67	VPL	100	0.69%
68	VRE	400	0.74%
69	VSC	200	0.20%
II.	**Tiền/Cash (VND)**	**41,253,733**	**3.17%**
III.	**Tổng/Total**	**1,303,268,733**	**100.00%**

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Value of component securities basket*: (VND) 1,262,015,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per ETF creation unit*: (VND) 1,303,268,733

Giá trị chênh lệch/*Cash component*: (VND) 41,253,733

Giá trị tài sản ròng của 1 chứng chỉ quỹ/ Value per share of ETF (VND) 13,032.6873

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	*Securities code*	*Substitution cash per share VND*	Applied to	Reason
1	ACB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	33,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	52,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	52,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	GVR	31,250	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	19,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	74,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	PNJ	15,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	REE	45,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TCB	21,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	TPB	12,650	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VPB	22,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
13	VND	13,400	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

Đại diện tổ chức/*Organization Representative*

Người được ủy quyền công bố thông tin/ *Persons Authorized to Disclose Information*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / *(Signature, full name and seal - if any)*



Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Lan